

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		301,529,398,197	317,545,171,131
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7,611,484,522	1,497,482,224
1. Tiền	111		7,611,484,522	1,497,482,224
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		54,900,000,000	54,550,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		54,900,000,000	54,550,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60,511,621,450	92,480,259,960
1. Phải thu khách hàng	131		25,569,771,797	58,825,315,884
2. Trả trước cho người bán	132		34,923,038,137	33,991,878,632
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		355,746,072	
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(336,934,556)	(336,934,556)
IV. Hàng tồn kho	140		44,160,754,598	25,751,687,579
1. Hàng tồn kho	141		44,207,209,457	25,798,142,438
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46,454,859)	(46,454,859)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		134,345,537,627	143,265,741,368
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,081,226,288	10,922,858,952
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		132,264,311,339	132,342,882,416
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		200,974,920,834	201,917,962,690
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		75,433,040,410	76,231,292,900
1. Tài sản cố định hữu hình	221		50,433,040,410	51,230,625,299

- Nguyên giá	222		65,794,230,947	65,794,230,947
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15,361,190,537)	(14,563,605,648)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			

- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		25,000,000,000	25,000,667,601
- Nguyên giá	228		25,010,493,400	25,010,493,400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10,493,400)	(9,825,799)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240		27,768,000,000	27,768,000,000
- Nguyên giá	241		27,768,000,000	27,768,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		96,608,362,510	96,608,362,510
1. Đầu tư vào công ty con	251		20,740,000,000	20,740,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		81,000,000,000	81,000,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1,000,000,000	1,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(6,131,637,490)	(6,131,637,490)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,165,517,914	1,310,307,280
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		780,696,938	925,486,304
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		384,820,976	384,820,976
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		502,504,319,031	519,463,133,821
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		113,021,738,573	130,295,182,291
I. Nợ ngắn hạn	310		68,890,097,075	93,087,516,073
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		50,328,537,897	71,327,115,812
2. Phải trả người bán	312		1,952,527,793	1,074,081,181
3. Người mua trả tiền trước	313		14,156,722,951	11,502,600,000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		1,417,109,746	7,083,578,900
5. Phải trả người lao động	315		263,313,158	608,175,205
6. Chi phí phải trả	316			781,268,765
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		208,824,537	147,635,217
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		563,060,993	563,060,993
II. Nợ dài hạn	330		44,131,641,498	37,207,666,218
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			

3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334		44,122,501,098	37,198,525,818
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9,140,400	9,140,400
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		389,482,580,458	389,167,951,530
I. Vốn chủ sở hữu	410		389,482,580,458	389,167,951,530
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		347,730,000,000	347,730,000,000

2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29,554,176,600	29,624,176,600
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3,010,000)	(3,010,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,991,017,911	2,991,017,911
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		688,205,141	688,205,141
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8,522,190,806	8,137,561,878
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		502,504,319,031	519,463,133,821
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				
1. Tài sản thuê ngoài	01			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		3,048,300	3,048,300
5. Ngoại tệ các loại	05		385.38	414.48
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			

Lập, ngày 24 tháng 04 năm 2012

Lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc***Vương Thị Ánh Duyên**Đặng Thanh Nga**Đường Đức Hoà*

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ I/2012

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		15,781,615,054	98,067,124,465	15,781,615,054	98,067,124,465
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		15,781,615,054	98,067,124,465	15,781,615,054	98,067,124,465
4. Giá vốn hàng bán	11		11,016,723,580	83,900,860,640	11,016,723,580	83,900,860,640
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		4,764,891,474	14,166,263,825	4,764,891,474	14,166,263,825
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		7,992,787	40,319,180	7,992,787	40,319,180
7. Chi phí tài chính	22		2,179,895,651	4,512,021,608	2,179,895,651	4,512,021,608
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			4,512,021,608		4,512,021,608
8. Chi phí bán hàng	24		62,816,068	571,744,853	62,816,068	571,744,853
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,199,448,201	1,160,114,355	1,199,448,201	1,160,114,355
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		1,330,724,341	7,962,702,189	1,330,724,341	7,962,702,189
11. Thu nhập khác	31					
12. Chi phí khác	32		817,885,771	34,169	817,885,771	34,169
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(817,885,771)	(34,169)	(817,885,771)	(34,169)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		512,838,570	7,962,668,020	512,838,570	7,962,668,020
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		128,209,643	1,990,667,005	128,209,643	1,990,667,005
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		384,628,928	5,972,001,015	384,628,928	5,972,001,015
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70					

Lập, ngày 24 tháng 04 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vương Thị Ánh Duyên

Đặng Thanh Nga

Đường Đức Hoà

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT - QUÝ I/2012

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01		512,838,570	7,962,668,020
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ	02		798,252,490	851,936,640
- Các khoản dự phòng	03			-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		2,171,902,864	-
- Chi phí lãi vay	06		-	4,511,127,728
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3,482,993,924	13,325,732,388
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		40,160,736,958	(78,757,972,100)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18,409,067,019)	(10,702,416,283)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(8,547,162,181)	(21,747,853,530)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		144,789,366	223,718,183
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(4,512,021,608)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		4,348,321,098	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16			(34,169)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21,180,612,146	(102,170,847,119)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(2,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7,992,787	40,319,180
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7,992,787	(1,959,680,820)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-

Tel: 04.37194353 Fax: 04.37183635

1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			117,620,170,000
2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(8,300,000,000)
3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		37,847,370,320	79,744,252,280
4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(52,921,972,955)	(60,801,106,768)
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15,074,602,635)	128,263,315,512
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		6,114,002,298	24,132,787,573
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,497,482,224	3,919,041,704
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		7,611,484,522	28,051,829,277

Lập, ngày 24 tháng 04 năm 2012

Lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc***Vương Thị Ánh Duyên**Đặng Thanh Nga**Đường Đức Hoá*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý I năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý I năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, lắp đặt các loại sản phẩm đồ gỗ. Kinh doanh ô tô. Kinh doanh mũ cao su các loại..

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- 2. Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính Quý I Năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý I năm 2012 (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 08

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý I năm 2012 (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí cải tạo, làm nội thất văn phòng thuê tại tòa nhà 59 Quang Trung được tập hợp theo sổ thực tế phát sinh đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 36 tháng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo sổ thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính Quý I Năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý I năm 2012 (tiếp theo)

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/03/2012 là: 20.845 VND/USD.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính Quý I Năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý I năm 2012 (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	7.123.533.334	997.362.680
Tiền gửi ngân hàng	487.951.188	500.119.544
Cộng	<u>7.611.484.522</u>	<u>1.497.482.224</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>54.900.000.000</u>	<u>54.550.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng trong nước	25.058.948.401	58.319.095.544
Phải thu khách hàng nước ngoài	510.823.396	506.220.340
Cộng	<u>25.569.771.797</u>	<u>58.825.315.884</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán trong nước	16.742.413.405	16.999.988.900
Trả trước cho người bán nước ngoài	18.180.624.732	16.991.889.732
Cộng	<u>34.923.038.137</u>	<u>33.991.878.632</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>355.746.072</u>	<u>-</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(336.934.556)	(336.934.556)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm		
Cộng	<u>(336.934.556)</u>	<u>(336.934.556)</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	20.282.779.747	9.047.500.000
Nguyên liệu, vật liệu	14.030.699.543	6.241.261.421
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.152.228.067	7.561.678.917
Thành phẩm	879.322.415	1.085.522.415
Hàng hóa	1.862.179.685	1.862.179.685
Cộng	<u>44.207.209.457</u>	<u>25.798.142.438</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính Quý I Năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý I năm 2012 (tiếp theo)****8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa	(46.454.859)	(46.454.859)
Cộng	(46.454.859)	(46.454.859)

9. Thuế GTGT được khấu trừ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT được khấu trừ của HHDV	1.652.335.088	7.538.504.349
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	424.891.200	3.384.308.703
Cộng	2.081.226.288	10.922.858.952

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	132.264.311.339	132.346.882.416
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cộng	132.264.311.339	132.346.882.416

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	65.794.230.947	(14.563.605.648)	51.230.625.299
Tăng trong kỳ	-	(797.584.889)	(798.252.490)
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	65.794.230.947	(15.361.190.537)	50.433.040.410

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	25.010.493.400	(9.825.799)	25.000.667.601
Tăng trong kỳ	-	(667.601)	(4.165.397)
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	25.010.493.400	(10.493.400)	25.000.000.000

13. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần DC Phú Hà ^(a)	1.674.000	16.740.000.000	1.674.000	16.740.000.000
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu ^(b)	400.000	4.000.000.000	400.000	4.000.000.000
Cộng	2.074.000	20.740.000.000	2.074.000	20.740.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính Quý I Năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý I năm 2012 (tiếp theo)****14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa ⁽ⁱ⁾	310.000	31.000.000.000	310.000	31.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng ⁽ⁱⁱ⁾	500.000	50.000.000.000	500.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Ứng dụng Tin học và Dịch vụ Du lịch ECCO ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	-	-
Cộng	810.000	81.000.000.000	810.000	81.000.000.000

15. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản góp vốn theo hợp đồng nguyên tắc số 03/2010/HĐNT ngày 26 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ Long về việc hợp tác đầu tư Hệ thống kho bãi tại khu Đô thị và phi thuế quan tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh:		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng</i>	<i>(1.101.649.893)</i>	<i>(1.101.649.893)</i>
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Ứng dụng Tin học và Dịch vụ Du lịch ECCO</i>	<i>(5.029.987.597)</i>	<i>(5.029.987.597)</i>
Cộng	(6.131.637.490)	(6.131.637.490)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	780.696.938	925.486.304

18. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	384.820.976	384.820.976

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	50.328.537.897	62.978.070.548

20. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán trong nước	1.952.486.304	1.074.081.181
Cộng	1.952.486.304	1.074.081.181

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước trong nước	14.156.722.951	11.913.378.560

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính Quý I Năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tô 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý I năm 2012 (tiếp theo)****22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT đầu ra	-	1.001.469.229
Thuế xuất nhập khẩu	875.204.947	675.204.947
Thuế TNDN	958.595.037	5.178.706.492
Thuế TNCN	8.200.962	28.198.232
Cộng	<u>1.417.109.746</u>	<u>7.083.578.900</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa tiêu thụ trong nước	10%
Hàng hóa xuất khẩu	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>208.824.537</u>	<u>147.635.217</u>

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	143.878.900	143.878.900
Quỹ phúc lợi	419.182.093	419.182.093
Cộng	<u>563.060.993</u>	<u>563.060.993</u>

25. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>44.122.501.098</u>	<u>45.434.294.114</u>

26. Vốn chủ sở hữu**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	347.730.000.000	347.730.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	29.554.176.600	29.624.176.600
Cổ phiếu quỹ	(3.010.000)	(3.010.000)
Quỹ đầu tư phát triển	2.991.017.911	2.991.017.911
Quỹ dự phòng tài chính	688.205.141	688.205.141
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.522.190.806	8.137.561.878
Cộng	<u>389.482.580.458</u>	<u>389.167.951.530</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính Quý I Năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý I năm 2012 (tiếp theo)

Lập, ngày 24 tháng 04 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vương Thị Ánh Duyên

Đặng Thanh Nga

Đường Đức Hóa

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Số: /ĐC-CV

V/v: Giải trình KQKD Quý I/2012

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2012

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu
Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu
Mã chứng khoán niêm yết : DCS

Trước hết, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu xin gửi tới Quý Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng.

Lợi nhuận sau thuế quý I/2012 của Công ty chúng tôi giảm so với cùng kỳ năm 2011 là do các nguyên nhân:

- Do thực hiện kiểm chế lạm phát và thắt chặt tài chính làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh dẫn tới kế hoạch đã vạch ra không đạt được.
- Do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng đột biến làm ảnh hưởng đến các chi phí đầu vào, sức tiêu thụ thấp, làm cho lợi nhuận giảm.
- Do doanh thu của công ty chủ yếu ở lĩnh vực xuất khẩu cao su sang Trung Quốc. Nhưng Quý I/2012, biên mậu Trung Quốc đóng cửa nên doanh thu về mủ cao su của công ty không có. Điều này làm doanh thu nói chung của công ty giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Do đó, dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Quý I cũng giảm theo.

Chúng tôi làm giải trình này gửi đến Quý Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biết.

Trân trọng!

Nơi gửi:

- Như đề gửi
- Lưu Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU